TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN HIỆP HÒA	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẮC GIANG	

Bản án số: **28**/2018/DS-ST

Ngày 17/9/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Đức Lâm

2/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai-Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Ngô Thị T**, sinh năm 1980- có mặt.

Địa chỉ: Xóm P, thôn T, xã M, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* **Chị Tạ Thị Minh T,** sinh năm 1982- vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn D, xã D, huyện H, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đinh Quang V, sinh năm 1980- Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn D, xã D, huyện H, tỉnh B.

2. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1975- Có mặt.

Địa chỉ: Xóm P, thôn T, xã M, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2017, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Ngô Thị T) trình bày:

Chị và chị Tạ Thị Minh T là bạn bè quen thân nhau vì chồng chị T là anh Đinh Quang V là bạn học cùng phổ thông và chị T có thời gian làm hợp đồng tại trường THPT số 2 Hiệp Hòa- nơi chị đang công tác. Ngày 03/5/2013 (âm lịch) chị T có nhờ chị vay tiền hộ để đáo hạn ngân hàng, số tiền là 115.000.000đ chị đã vay tiền của người khác để cho chị T vay số tiền 115.000.000đ, hai bên có viết giấy biên nhận, chị T ký nhận vào giấy biên nhận và chị là người lưu giữ giấy biên nhận, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất theo ngân hàng, hẹn khi nào chị đòi thì chị T thanh toán trả cho chị cả gốc và lãi nhưng chị T chưa thanh toán cho chị được đồng tiền gốc nào, lãi chị T đã thanh toán trả cho chị đến hết tháng 12/2013 (âm lịch) còn cụ thể số tiền lãi chị T thanh toán cho chị mỗi tháng là bao nhiêu chị không nhớ nhưng theo lãi suất ngân hàng, chị không ghi chép cụ thể; Đến ngày 05/6/2013 chị T lại nhờ chị vay thêm 185.000.000đ, chị đã cho chị T vay 185.000.000đ, chị T nhận tiền và ký nhận vào giấy biên nhận do chị lưu giữ, lãi suất cũng thỏa thuận miệng theo lãi ngân hàng, cũng hẹn khi nào chị đòi thì chị T thanh toán cả gốc và lãi, nhưng chị T cũng không thanh toán được gốc, lãi chị T cũng trả cho chị đến hết tháng 12/2013 (âm lịch), số tiền lãi trả hàng tháng là bao nhiêu chị không nhớ.

Sau khi chị T không thanh toán trả cho chị được gốc và lãi của hai hợp đồng vay nêu trên, đầu năm 2016 chị đã đến đòi nhiều lần nhưng chị T cứ khất nợ, không thanh toán trả cho chị được đồng tiền gốc và lãi nào. Nay chị xác định chị T và anh Đinh Quang V còn nợ của chị số tiền 300.000.000đ tiền gốc vì chị T vay là để đáo sổ Ngân hàng là vay để phục vụ cho gia đình. Chị làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị T và chồng là anh Đinh Quang V phải thanh toán trả cho chị 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi kể tháng 01/01/2014 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Chị Tạ Thị Minh T và anh Đinh Quang V) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã nhiều lần trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng chị T, anh V vắng mặt. Qua xác minh anh Đinh Quang D là anh trai ruột của anh Đinh Quang V cung cấp: Anh V và chị T là em trai và em dâu

anh, hiện nay anh V đi làm ăn kinh tế tại Hải Phòng, chị T làm tại Bắc Ninh, ngày 01/5/2018 anh V và chị T có về nhà nghỉ lễ, ngày 02/5/2018 lại đi làm, còn làm cụ thể ở địa chỉ nào anh không rõ, điện thoại liên lạc anh cũng không có vì anh V, chị T không cho anh biết. Việc chị T khởi kiện đòi nợ anh V, chị T thế nào anh không biết vì anh V, chị T không nói chuyện cho gia đình anh biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (anh Nguyễn Văn V) trình bày: Vợ chồng anh và vợ chồng chị T, anh V là bạn bè quen thân nhau vì chồng chị T là anh Đinh Quang V là bạn học cùng phổ thông cùng vợ anh là T và chị T có thời gian làm hợp đồng tại trường THPT số 2 Hiệp Hòa- nơi vợ anh đang công tác. Ngày 03/5/2013 (âm lịch) chị T có nhờ vợ anh vay tiền hộ để đáo hạn ngân hàng, số tiền là 115.000.000đ vợ chồng anh đã vay tiền của người khác để cho chị T vay số tiền 115.000.000đ, hai bên có viết giấy biên nhận, chị T ký nhận vào giấy biên nhận và vợ anh là người lưu giữ giấy biên nhận, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất theo ngân hàng, hẹn khi nào đòi chị T thanh toán trả cho vợ chồng anh cả gốc và lãi nhưng chị T chưa thanh toán cho vợ chồng anh được đồng tiền gốc nào, lãi chị T đã thanh toán trả được đến hết tháng 12/2013 (âm lịch) còn cụ thể số tiền lãi chị T thanh toán mỗi tháng là bao nhiêu anh không rõ; Đến ngày 05/6/2013 chị T lại nhờ vợ anh vay thêm 185.000.000đ, vợ anh đã cho chị T vay 185.000.000đ, chị T nhận tiền và ký nhận vào giấy biên nhận do vợ anh lưu giữ, lãi suất cũng thỏa thuận miệng theo lãi ngân hàng, cũng hẹn khi nào đòi thì chị T thanh toán cả gốc và lãi, nhưng chị T cũng chưa thanh toán được gốc, lãi chị T cũng trả cho vợ anh đến hết tháng 12/2013 (âm lịch), số tiền lãi trả hàng tháng là bao nhiêu anh không nắm được cụ thể. Sau khi chị T không thanh toán trả cho gia đình anh được gốc và lãi của hai hợp đồng nêu trên, năm 2016 vợ anh đã đến đòi nhiều lần nhưng chị T cứ khất nợ, không thanh toán trả cho gia đình anh được đồng tiền gốc và lãi nào. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị T và chồng là anh Đinh Quang V phải thanh toán trả vợ chồng anh 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi kể từ tháng 01/01/2014 (âm lịch) đến nay theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].***Về thủ tục tố tụng:***

Chị Tạ Thị Minh T và anh Đinh Quang V (là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2017 chị Ngô Thị T đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp**:

Chị Ngô Thị T và chị Tạ Thị Minh T tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay đề ngày 03/5/2013 (âm lịch), ngày 05/6/2013 (âm lịch), được xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Ngô Thị T yêu cầu chị Tạ Thị Minh T và anh Đinh QuangV phải trả 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền vay gốc còn nợ, thấy rằng:

Phía chị T, anhV đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vì vậy xác định chị T và anh V biết việc chị T có đơn khởi kiện đối với chị T và anh V. Việc chị T, anh V không đến Tòa án làm việc, trình bày về hợp đồng vay tiền mà hai bên đã ký kết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là tự tước bỏ đi quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định cho chị T, anh V có quyền thực hiện. Mặt khác, việc chị T, anh V thay đổi nơi làm việc nhưng không thông báo cho chị T biết đã vi phạm vào khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, hậu quả của việc chị T, anhV không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì chị T, anhV phải gánh chịu. Tại Tòa án cũng như tại phiên tòa chị T xác định sau khi hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng vay tài sản chị T đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao cho chị T tổng số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và chị T đã nhận đủ số tiền này, mục đích chị T vay là để trả tiền vay tại ngân hàng. Đến hẹn trả nợ chị T, anh V không thanh toán trả chị T toàn bộ số tiền đã vay nên chị T có đơn khởi kiện chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định chị Tạ Thị Minh T và anh Đinh Quang V còn nợ của chị Ngô Thị T 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc theo hợp đồng vay giữa hai bên ký kết ngày 03/5/2013 (âm lịch) và ngày 05/6/2013 (âm lịch). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T là có căn cứ, cần buộc chị Tạ Thị Minh T và anh Đinh Quang V phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả chị Ngô Thị T số tiền gốc còn nợ là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Xét yêu cầu của chị Ngô Thị T yêu cầu chị Tạ Thị Minh T, anh Đinh Quang V phải thanh toán cho chị T số tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2014 (âm lịch) tức là ngày 31/01/2014 (Dương lịch) là ngày chị T chưa thanh toán tiền lãi, đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa chị T và chị T ở thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, vì vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Trong vụ án này, giữa chị T và chị T không thỏa thuận rõ về lãi suất và thời hạn trả nợ trong hợp đồng, chỉ thỏa thuận thời hạn vay tiền từ ngày 03/5/2013 (âm lịch) và ngày 05/6/2013 (âm lịch). Tại Tòa án và tại phiên tòa chị T xác định có thỏa thuận miệng về lãi suất theo quy định của pháp luật và thời hạn trả nợ là khi nào đòi thì trả gốc, lãi chị T trả hàng tháng cho chị T đến hết tháng 12/2013 (âm lịch) của cả hai hợp đồng, do chị T và vợ chồng chị T có quan hệ là bạn bè cùng học phổ thông và đồng nghiệp nên đến năm 2016 chị T mới yêu cầu chị T thanh toán trả tiền gốc và lãi những tháng chưa thanh toán trả, vì vậy xác định là hợp đồng vay tài sản không thời hạn và có lãi suất. Ngày trả nợ của hợp đồng xác định là năm 2016 ở thời điểm chị T yêu cầu chị T thanh toán trả gốc nên xác định được từ ngày 31/01/2014 đến ngày 01/01/2016 được tính lãi trong hạn của hợp đồng và từ ngày 02/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/9/2018 xác định là những ngày tính lãi quá hạn của hợp đồng. Do đó cần tính lãi suất trong hạn và quá hạn để buộc chị T và anh V thanh toán trả cho chị T là phù hợp. Trong vụ án này, do

không xác định rõ lãi suất nên lãi trong hạn và lãi quá hạn đều xác định theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời hạn trả nợ. theo quy định tại khoản 5 Điều 474 và khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy đinh mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (tức 0,75%/tháng). Vì vậy, yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chị T, anh V thanh toán trả tiền lãi trên nợ gốc với mức lãi suất theo quy định của pháp luật có cơ sở để chấp nhận và cần tính mức lãi suất là 0,75%/tháng để buộc chị T, anh V phải thanh toán lãi trả cho chị T đối với số tiền chị T, anhV chậm trả từ ngày 31/01/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/9/2018.

Như vậy, lãi của hợp đồng vay được xác định như sau:

+ Từ ngày 31/01/2014 đến ngày 17/9/2018 là 55 (Năm mươi lăm) tháng 17 ngày số tiền lãi là: {(300.000.000đ x 0,75% x 55 tháng = **123.750.000đ) +** (300.000.000đ x 0,75% x 17 ngày : 30 = 1.275.000đ)}= **125.025.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).**

Tổng số tiền lãi chị T, anh V phải thanh toán trả cho chị T, anh V là: **125.025.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).**

Vì vậy, yêu cầu của chị Ngô Thị T yêu cầu chị Tạ Thị Minh T và anh Đinh Quang V phải thanh toán lãi của số tiền gốc còn nợ với mức lãi suất theo quy định của pháp luật được chấp nhận.

Quan hệ giữa chị Tạ Thị Minh T và anh Đinh Quang V là quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình thì chị Tạ Thị Minh T và anh Đinh QuangV phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ gốc và lãi cho chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn V của hợp đồng vay tài sản nêu trên, cụ thể gốc là **300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng),** lãi là **125.025.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).** Tổng cả gốc và lãi là: **425.025.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).**

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận, vì vậy chị Ngô Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Tạ Thị Minh T và anh Đinh Quang V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 281, 471, 474, 476, 478, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 40; Điều 288, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều

27; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 144; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điềuv 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T. Buộc chị Tạ Thị Minh T và anh Đinh Quang V phải có nghĩa vụ liên đới thanh thanh toán trả cho chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn V số tiền nợ gốc là **300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng),** lãi suất 9%/1 năm trên số nợ gốc, tính từ ngày 31/01/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/9/2018.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Tạ Thị Minh T và anh Đinh Quang V phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Ngô Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Ngô Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.600.000đ (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001275 ngày 28/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 281, 471, 474, 476, 478, Điều 298 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 40; Điều 288, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 144; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị T.

Buộc chị Tạ Thị Minh T và anh Đinh Quang V phải có nghĩa vụ liên đới thanh thanh toán trả cho chị Ngô Thị T và anh Nguyễn VănV số tiền nợ gốc là **300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng),** lãi là **125.025.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).** Tổng cả gốc và lãi là: **425.025.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).**

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Tạ Thị Minh T và anh Đinh Quang V phải liên đới chịu 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ngô Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Ngô Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.600.000đ (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001275 ngày 28/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng□ời đ□ợc thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang

-VKSND tỉnh Bắc Giang;

- VKSND huyện Hiệp Hòa;

- Các đ- ơng sự;

- Chi cục thi hành án;

- L- u.

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn